

Số: 33/2019/QĐST-HNGĐ

Đ R, ngày 08 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 76/2019/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019, giữa:

* **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Thùy T**; Sinh năm: 1977

Trú tại: Thôn , xã L S, huyện Đ R, tỉnh L Đ

* **Bị đơn:** Ông **Hoàng Xuân L**; Sinh năm: 1969

Trú tại: Thôn , xã L S, huyện Đ R, tỉnh L Đ

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng chính sách xã hội Việt

Nam;

Trụ sở: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng; Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phùng Thị Phi; Chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ R, tỉnh LĐ.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Hoàng

Xuân L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Thị Ánh D; Sinh ngày 26/02/2002 và cháu Hoàng Tuấn A; Sinh ngày 08/01/2008, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông Hoàng Xuân L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi người nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ R 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng vay. Ông Hoàng Xuân L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ R 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng vay

2.4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy T phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ chung của bà Tr và ông L. Tổng cộng bà T phải nộp 650.000đ (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0003859 ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ R, tỉnh L Đ. Bà Nguyễn Thị Thùy T phải nộp thêm 350.000đ (Ba trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L Đ;
- VKSND H. Đ R;
- CC THADS H. Đ R;
- UBND xã L S, H. Đ R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Rung K' Nhơn

